

LỊCH SỬ THÁI LAN

» Tác giả: **Phạm Văn Tuấn**

1

Vài số thống kê.

Diện tích: 517,000 cây số vuông.

Dân số: 61.4 triệu người

Chính thể: Quân chủ lập hiến từ 1932, Vua Bhumibol Adulyade (Rama- 9)(1946-)

Thủ đô: Bangkok với 9 triệu dân

Dân tộc: gốc Thái 80%, Trung Hoa 10%, Mã Lai 4%; Lào, Miến, Việt Nam, Ấn Độ và một số dân thiểu số khác: 6%

Tôn giáo: Phật giáo nguyên thủy 92%, Đạo Hồi 4 %, Phật giáo đại thừa 2.5%, Thiên chúa giáo 0.5%.

Khí hậu: gió mùa tây nam và mùa mưa: từ tháng 5 tới tháng 10, gió mùa đông bắc và mùa khô: từ tháng 11 tới tháng 5

Tài nguyên: rất đa dạng về động vật và thảo mộc, sản phẩm chính là gạo rồi trái cây, cao su, dầu cọ... Ngoài ra còn có các mỏ dầu thô và khí đốt.

Tiền tệ: đồng Baht, 25.5 Baht = 1 Mỹ kim.

2/ Nguồn gốc.

Người Thái Lan tự hào về đất nước của họ đã không là một thuộc địa của cường quốc tây phương nào vào cuối thế kỷ 19, quê hương của họ cũng không bị nội chiến tàn phá dù cho nền chính trị có gặp các xáo trộn. Trong thế kỷ vừa qua, giới lãnh đạo Thái Lan đã khôn ngoan trong nền ngoại giao quốc tế nên có thể duy trì được nền độc lập cho xứ sở, họ đã biết tiếp thu các ảnh hưởng tây phương đồng thời vẫn duy trì được chủ quyền quốc gia.

Từ thế kỷ 12 tới đầu thế kỷ 20, quê hương này được người ngoại quốc gọi là Siam = Xiêm La cho tới năm 1939, tên chính thức của vương quốc được gọi thành Thái Lan sau một biến cố dân chủ, trong đó danh từ “Thái” có nghĩa đen là “tự do”. Nguồn gốc của dân tộc Thái được cho là từ tỉnh Vân Nam bên Trung Hoa nhưng cũng có người lại cho rằng dân tộc gốc của xứ sở này đã từ đồng bằng sông Menam Chao Phya đi lên mạn Nam Trung Hoa rồi gặp thời kỳ bành trướng của Đại Hãn Hốt Tất Liệt mà lại phải di chuyển xuống phía nam.

Trong Thế Chiến Thứ Hai, một tù binh người Hòa Lan khi làm con đường xe lửa Thái Lan - Miến Điện, đã khám phá thấy các đồ cổ thời đồ đá tại Ban Kao, thuộc tỉnh Kanchanaburi ở phía tây. Rồi các khai quật tại làng Ban Chiang gần Udon Thani phía đông bắc đã tìm ra các đồ sành, đồ sắt, đồ đồng, nữ trang... và thời đại đồ đồng của Thái Lan còn đi trước nền văn minh của thung lũng hai con sông Tigris và Euphrates, có lẽ vào khoảng 3,600 năm trước Tây Lịch. Văn Hóa Ban Chiang này đã cho thấy người dân thời đó đã biết trồng lúa, nuôi thú vật và đã có các tài khéo léo, làm và trang hoàng các bình sành, chai lọ kim loại...

Các dấu tích khảo cổ cũng cho thấy sự hiện diện của người Ấn Độ tại Thái Lan vào khoảng thế kỷ thứ 3 trước Tây Lịch. Tài liệu Phật Giáo Sinhalese là Mahavamsa còn kể lại Vua Ấn Độ Ashoka (268- 232 trước TL) đã cử hai đặc sứ tới miền Suvannabhumi, thuộc Đông Nam Á. Tới đầu kỷ nguyên Tây Lịch, đã có giao dịch buôn bán qua đường biển

giữa Ấn Độ và miền nam Thái Lan. Các tượng Ấn Độ cổ đã được tìm thấy tại cả hai cửa sông miền nam Thái Lan, ghi dấu của thế kỷ thứ 4 sau Tây Lịch.

Trong các thế kỷ tiếp theo, Phật Giáo và Ấn Độ Giáo tiếp tục được du nhập vào các miền Đông Nam châu Á và đã được sửa đổi để thích hợp với các nhu cầu địa phương. Tiếng Phạn (sanskrit) được giới quý tộc dùng làm ngôn ngữ triều đình trong khi tiếng Pali là ngôn ngữ của kinh Phật Giáo. Các nhà cai trị địa phương thời bấy giờ có lẽ đã dùng các tu sĩ Bà La Môn làm cố vấn trong việc tổ chức chính quyền. Các sắc dân định cư đầu tiên của xứ Thái Lan là người Mon và người Khmer đã chịu ảnh hưởng Ấn Độ rất nhiều. Các khai quật khảo cổ tại Lopburi và Nakhon Pathom đã chứng minh miền định cư của người Mon từ thế kỷ thứ 7 và nghệ thuật Phật Giáo của thời đại Dvaravati (thế kỷ 6 tới thế kỷ 11) là của sắc dân người Mon. Người Khmer nổi tiếng vì khu vực đền đài Angkor Wat, cũng để lại nhiều ngôi đền thờ tại các tỉnh miền đông bắc Thái Lan.

3/ Sắc dân Thái.

Có nhiều lý thuyết cắt nghĩa việc định cư của sắc dân Thái. Lý thuyết đáng tin cậy nhất cho rằng vào thế kỷ thứ 10, một dân tộc từ tỉnh Vân Nam tại phía nam của Trung Hoa đã di chuyển theo các dòng sông và thung lũng, xuống phía nam và tỏa ra thành các giống dân: người Shan còn được gọi là “Thai Yai” (Thái lớn) di chuyển về phía bắc của Miền Điện, người Ahom Thai định cư tại Assam, một nhóm khác tới đất Lào vào, số còn lại đi qua đảo Hải Nam. Nhóm dân đông nhất là “Thai Noi” (Thái nhỏ) đã thiết lập cơ sở chung quanh Chiang Saen tại miền bắc của nước Thái Lan ngày nay. Họ đã lập nên một nước nhỏ đóng đô tại Sukhothai vào năm 1238 và sắc dân gốc Thái này di chuyển dần xuống phía nam, tới Chiang Rai năm 1281 và Chiang Mai năm 1296 rồi xứ sở Thái được nới rộng tới bán đảo Mã Lai.

Vào thế kỷ 13, vương quốc Thái Sukhothai bắt đầu mở mang, đã lấn át các vương quốc Mon và Khmer. Tại phía nam và trên dải đất hẹp là ảnh hưởng của vương quốc quân sự và thương mại Srivichaiya đã hình thành từ thế kỷ 7 mà có người cho rằng vương quốc này đặt kinh đô tại Palembang ở Sumatra, hoặc Chaiya tại miền nam Thái Lan, hoặc tại Kalimantan trên đảo Borneo. Vương quốc Srivichaiya sau đó cũng bị suy tàn vì ảnh hưởng của vương quốc Sukhothai.

Danh từ Sukhothai có nghĩa là “bình minh của hạnh phúc”. Theo tài liệu cổ xưa, người dân Thái vào thời đại Sukhothai đã vui sống tự do, đây là thời vàng son của dân tộc Thái Lan với đất nước thanh bình, tài nguyên phong phú và được vị minh quân cai trị. Theo truyền thuyết, người sáng lập ra vương quốc này là vị anh hùng Phra Ruang. Vào thời đó dân tộc Thái phải triều cống cho vua Khmer đóng đô tại Angkor thứ nước thiên lý lấy từ một hồ nước bên ngoài Lop Buri vì vị vua Khmer cần nước thiên lý từ bốn miền biên giới. Xe bò chở nước trong các lu bằng đất nung lại đi đường xa khiến cho không tránh khỏi bị bể vỡ dọc đường, và người dân Thái đã phải chuyên chở hai hay ba lần mới nạp đủ số nước triều cống. Khi Phra Ruang tới tuổi trưởng thành, ông ta đã chế ra một thứ lu đan bằng tre và được gắn kín, nhờ đó việc chuyên chở nước thật dễ dàng. Sự sáng suốt này khiến cho vua Khmer phái một vị tướng tới để diệt trừ Phra Ruang nhưng ông này đã biến kẻ thù thành đá. Sau đó Phra Ruang kết hôn với con gái tộc trưởng miền Sukhothai rồi trở nên vị vua đầu tiên của vương quốc độc lập Sukhothai. Phra Ruang mang danh hiệu Sri Indraditya. Kể từ thời đại Sukhothai này, đạo Phật đã được truyền bá rộng rãi và đi dần vào nếp sống của dân chúng cho tới ngày nay.

Người con trai thứ hai của vị vua sáng lập kể trên có tên là Ramkamhaeng. Năm 19 tuổi, vị hoàng tử này đã theo cha ra trận và đánh thắng kẻ thù trong một trận đấu dùng voi. Vì thế vua cha đã ban cho hoàng tử thứ hai tước hiệu Phra Ramkamhaeng hay Rama, vị anh hùng.

Vương quốc Sukhothai vào thời Ramkamhaeng lên ngôi chỉ là một xứ sở nhỏ hẹp nhưng dưới triều đại này, lãnh thổ đã được mở rộng gấp 10 lần, từ Luang Prabang tại Lào qua cánh đồng trung tâm của dòng sông Chao Phraya tới tận bán đảo phía nam, còn tại phía tây, sắc dân Mon của miền nam Miến Điện cũng phải thần phục.

Ramkamhaeng là nhà cai trị, nhà lập pháp và chính khách. Ông đã phát minh ra chữ Thái bằng cách phối hợp hệ thống mẫu tự Khmer với tiếng Thái. Các sắc chỉ viết bằng lối chữ mới đã được Ramkamhaeng dùng từ năm 1292 theo đó mô tả Thái Lan là một miền đất phì nhiêu, đồ ăn dư thừa, tự do buôn bán, cấm chỉ chế độ nô lệ và quyền thừa kế được bảo đảm. Cũng vào thời đại này, các trường Phật Giáo Nguyên Thủy (Theravada) được thiết lập tại Sukhotai. Các trao đổi văn hóa với các nước ngoài được duy trì vì thế tại nơi đây mới có ảnh hưởng Sinhalese và đặc biệt nhất là đã có mối liên lạc ngoại giao với Trung Hoa. Theo sử liệu, triều đình Mông Cổ thời bấy giờ đã gửi 7 phái đoàn tới Thái Lan và có tài liệu còn ghi rằng chính vua Ramkamhaeng cũng đã qua Trung Hoa vào năm 1299. Thợ thủ công Trung Hoa đã dạy cho người Thái cách làm đồ sứ nhờ đó sản phẩm của Thái Lan được chở qua Trung Hoa và miền Sawankhalok ngày nay còn dấu tích của các lò nung.

Khi Đại Hãn Hốt Tất Liệt đánh chiếm miền nam, Ramkamhaeng đã liên kết với các hoàng tử Mengrai miền Chiang Rai và Ngam Muang miền Phayao để chống ngoại xâm. Tại miền bắc Thái, hoàng tử Mengrai đã sát nhập được đế quốc Mon cuối cùng tại Haripunjaya vào năm 1292 và đã chọn Chiang Mai vào năm 1296 làm kinh đô. Trong khi đó chuyện kể rằng vua Ramkamhaeng đã bị chết đuối tại thác nước của dòng sông Yom ở Sawakhalok. Hoàng tử kế vị là Lo Thai, trị vì từ năm 1318 tới năm 1347, ưa thích tu hành hơn nên trong thời đại này liên lạc tôn giáo giữa Sukhothai và Sri Lanka đã được tăng cường. Vua Lo Thai đã cho xây dựng nhiều tòa nhà để cất giữ các dấu tích Phật mới xin được từ Sri Lanka.

Con trai của vua Lo Thai là Li Thai lên ngôi từ năm 1347, cũng sùng đạo Phật nên đã coi trọng tôn giáo hơn quân sự, vì thế ảnh hưởng của miền chư hầu phía nam Ayutthaya lớn mạnh khiến cho Li Thai cuối cùng bỏ đi tu và các thế hệ kế tiếp trở thành các công hầu. Năm 1438, kinh đô Sukhothai suy tàn nhưng thời kỳ Sukhothai đã để lại dấu nét đặc biệt về nghệ thuật thuần Thái Lan nhất.

4/ Thời đại Ayutthaya.

Lịch sử Thái Lan đã không ghi rõ nguồn gốc của người sáng lập nên triều đại Ayutthaya nhưng truyền thuyết đã kể lại rằng vua Traitrong đã cảm thấy rất buồn khổ khi một công chúa không có chồng đã có con vì ăn phải một trái cà do tên làm vườn tưới bằng nước tiểu của hắn. Kẻ phạm tội là Nai Saen Pom đã bị tống khứ khỏi kinh thành cùng công chúa và đứa con. Thần Indra thấu hiểu cảnh khổ của cả ba người này nên đã cho Saen Pom ba điều ước. Saen Pom có cả ngàn mụn cóc trên người nên điều ước thứ nhất của Pom là các mụn xấu xa đó được biến đi. Điều ước thứ hai là xin được một xứ sở để cai trị và một cái nôi bằng vàng cho đứa con là điều ước thứ ba. Tất cả ba điều ước này đã được thực hiện. Đứa bé vì thế được gọi tên là Chao U-Thong hay hoàng tử có chiếc nôi vàng.

U-Thong là một nước nhỏ độc lập, đặt tại tỉnh Suphan Buri này nay. Vua của xứ này thuộc gia đình của các vua Chiang Saen. Trong thời kỳ vua Phya U-Thong cai trị, một bệnh dịch tả đã lan tràn khiến cho vương quốc này phải di chuyển tới Ayodhya hay Ayutthaya. Vị trí của kinh đô mới này có nhiều ưu điểm. Nơi đây là chỗ tập trung của ba dòng sông Chao Phya, Lop Buri và Pasak, lại không xa biển và nằm giữa một đồng bằng phì nhiêu nên là trung tâm lý tưởng về quản trị hành chánh và giao thông. Sau ba năm chuẩn bị, vua Phya U-Thong đã lập nên kinh đô vào năm

1350 và mang danh hiệu vua Ramathibodi I. Nhà vua này đã mở mang bờ cõi, gồm cả xứ sở Sukhothai lẫn miền nam Miến Điện và bán đảo Mã Lai, rồi sau đó còn chiếm xứ Chiang Mai và Cambốt. Vào thời kỳ này, tuy đế quốc Angkor bị suy tàn nhưng ảnh hưởng Khmer lại được phổ biến tại triều đình Ayutthaya. Quan niệm “devaraja” (vừa là vua, vừa là thần) của dân tộc Khmer đã khiến nhà vua Thái Lan vừa là người cai trị dân, vừa là vị đứng đầu giáo hội. Triều đình Thái Lan đã dùng nghi lễ và ngôn ngữ Khmer và tại các buổi đại lễ, các giáo sĩ Phật Giáo và Bà La Môn cùng hành đạo bên nhau, một việc làm còn lưu tới ngày nay.

Vua Ramathibodi đã chia quyền hành ra làm bốn khu vực: nông nghiệp, nội vụ, tài chính và hoàng gia, và nền móng này đã giữ cho vương quyền tồn tại được trong 417 năm. Ramathibodi qua đời năm 1369. Con là vua Ramesuen đã đánh chiếm Chiang Mai vào năm 1390 rồi ba năm sau, tấn công Angkor. Kinh đô Khmer này bị xâm lăng hoàn toàn vào năm 1431 sau 7 tháng vây hãm bởi đội quân của vua Boromajara II. Người Thái Lan đã thu được rất nhiều chiến lợi phẩm, bắt theo hàng chục ngàn tù binh, kể cả các nghệ sĩ và các tu sĩ Bà La Môn.

Tại Thái Lan vào thời kỳ này có hai nước với hai kinh đô là Chiang Mai và Ayutthaya, và chiến tranh đã diễn ra trong hai thế kỷ với cao điểm là vào thời đại của vua Boroma Trailokanath, hay còn được gọi là Trailok (1448- 1488). Vua Trailok đã cải tổ nền hành chính và kiến trúc xã hội Thái Lan mà ảnh hưởng còn được duy trì tới thế kỷ 19. Vua Trailok đã tập trung quyền hành vào trung ương, quy định về sở hữu đất đai, đặt ra các cấp lương bổng và nhân viên, ấn định chế độ lao động mà người dân phải đóng góp. Đạo luật Triều Đình (Palace Law) năm 1450 của vua Trailok cũng đề cập tới thứ hạng của các người trong hoàng tộc, nhiệm vụ của các quan lại...

Vào năm 1511, Alfonso de Albuquerque người Bồ Đào Nha, chinh phục được Malacca và sau đó đã cho thuyền vào Thái Lan. Vua Ramathibodi II (1491- 1529) đã cho phép người Bồ buôn bán trên đất Thái để đổi lấy súng đạn. Đội quân đánh thuê người Bồ cũng giúp vua Thái Lan trong việc chiếm Chiang Mai và dạy cho người Thái cách đúc súng thần công và súng hỏa mai.

Tại nước Miến Điện, vua Tabinshweti của miền Pegu đã cố gắng thống nhất đế quốc Miến và đồng thời dòm ngó Thái Lan vì xứ sở này đang yếu đi do nội chiến. Năm 1549, vua Tabinshweti đem quân đánh vua Mahachakrapat của Thái Lan vừa mới lên ngôi. Hoàng hậu Thái khi đó là Suriyothai đã cải trang thành tướng nam, cưỡi voi ra trận đánh quân Miến để cứu chồng đang bị vây hãm nhưng sau đó, hoàng hậu bị tử thương. Tro tàn của hoàng hậu này còn được lưu giữ tại Ayutthaya.

Cuộc xâm lăng của vua Miến Điện thất bại. Vua Mahachakrapat củng cố vương quốc với lực lượng quân sự gồm hàng trăm con voi trận và sự giúp đỡ của người Bồ Đào Nha. Vào năm 1569, kinh đô Ayutthaya lại bị quân Miến Điện vây hãm và thất thủ bởi đội quân của vua Bayinnaung. Vua Thái Lan Mahachakrapat bị bắt và bị dẫn về Miến Điện nhưng đã chết dọc đường trước khi tới Pegu. Vị phó vương Maha Thamaraja được người Miến cho cai trị Thái Lan như một chư hầu của Miến. Con trai trưởng Naresuen của Maha cùng với em trai là Ekatotsarot đã nổi lên, về sau dùng mưu kích chiến đánh thắng quân Miến Điện, mang lại nền độc lập cho Ayutthaya vào năm 1584. Naresuen lên ngôi vua Thái Lan vào năm 1590 và củng cố vương quốc Thái, làm suy tàn hai đế quốc Miến Điện ở phía tây và Khmer ở phía đông. Kinh đô Ayutthaya trở nên phồn thịnh và đã làm ngạc nhiên nhiều du khách người Âu vào thế kỷ 17.

5/ Ảnh hưởng của châu Âu.

Người em trai của Naresuen là Ekatotsarot lên trị vì Thái Lan từ năm 1605 tới năm 1610, đã không chú ý đến các chính sách quân sự mà lo phát triển kinh tế cho Ayutthaya. Nhà vua ban ra các đạo luật tăng thuế khiến cho dưng mắt người Âu, vua đã mang danh là “người tham lam”. Vào thời kỳ này người Hòa Lan đã tới Thái Lan và bắt đầu mở trạm mậu dịch vào năm 1608. Vua Ekatotsarot nhân dịp này đã gửi một phái đoàn đi The Hague. Rồi vào thời vua Songtham (1610- 1628), người Anh cũng đến Thái Lan, mang theo bức thư của vua James I và cũng được Thái Lan cho một mảnh đất để xây cất nơi buôn bán.

Người Âu đã bị thu hút đến Thái Lan bởi vì họ coi nơi này là cửa ngõ dẫn tới việc thương mại với Trung Hoa. Gió mùa tại châu Á không cho phép các tàu thuyền của thời đại này đi thẳng tới Trung Hoa, vì thế Ayutthaya đã trở nên một cảng chuyển tiếp giữa châu Âu, Ấn Độ, Trung Hoa và Nhật Bản. Nền hòa bình dưới thời vua Naresuen đã mang lại sự thịnh vượng cho người dân Thái và do đó, làm tăng lên nhu cầu xa xỉ của xã hội Thái Lan như lụa và đồ gốm. Ngoài ra người Nhật Bản cũng tới Thái Lan để mua các hàng hóa như gỗ quý, thiếc, đường mía và da thú vật cùng các sản phẩm của châu Âu. Một nhà mạo hiểm người Nhật của thời bấy giờ là Yamada Nagamasa đã có được tước vị cao trong triều đình Thái nhờ đó nhiều người Nhật Bản khác đã trở nên vệ sĩ cho nhà vua. Năm 1628, đội quân đánh thuê người Nhật đã giúp vị Nhiếp Chính là Prasat Thong tiếm vương quyền của vị vua trẻ. Nhưng rồi Tướng Quân của miền Edo nước Nhật đã không cộng tác với vương quyền đó khiến cho Prasat Thong nổi giận, trả thù và

giết các người Nhật và nhóm người này phải bỏ chạy qua Cambốt. Prasat Thong trị vì Thái Lan cho đến năm 1655, đã đặt ra độc quyền của hoàng gia theo đó mọi ngoại thương đều bị kiểm soát trực tiếp bởi nhà vua và do bộ Tài Chính đảm trách.

Từ năm 1641 người Hòa Lan lần ắt được người Bồ Đào Nha tại Viễn Đông và 7 năm sau, họ đã biểu dương lực lượng hải quân trong vịnh Thái Lan để yêu cầu vua Thái Lan cho họ đặc quyền kinh tế. Con trai của vua Prasat Thong là vua Narai, trị vì từ năm 1656 tới năm 1688, đã hợp tác với người Anh để cân bằng ảnh hưởng của Hòa Lan nhưng sau đó cuộc phong tỏa của Hòa Lan tại cửa sông Chao Phya đã khiến cho Thái Lan phải dành cho người Hòa Lan độc quyền mua da thú vật và một số biệt đãi khác.

Tại Thái Lan, các giáo sĩ Dòng Tên người Pháp đã đến triều đình tại Ayutthaya vào năm 1665 và được phép mở một trung tâm thờ phượng. Cảm tình của nhà vua Thái Lan khiến cho các giáo sĩ kể trên tưởng rằng nhà vua muốn cải theo đạo Thiên Chúa. Do các báo cáo của các giáo sĩ người Pháp gửi về, vua Louis 14 đã gửi một bức thư tay tới vua Narai vào năm 1673.

Sự liên lạc giữa Thái Lan và Pháp lại được gia tăng khi xuất hiện một người Hy Lạp tên là Constantine Phaulkon. Anh này khởi đầu là một người dọn phòng của công ty Đông Ấn thuộc Anh. Phaulkon tới Thái Lan năm 1678 và do có năng khiếu về ngôn ngữ, sau hai năm học anh ta đã nói thông thạo tiếng Thái. Phaulkon được mượn làm người thông ngôn cho Bộ Trưởng Tài Chính Barcalon hay Phra Klang. Nhờ khôn khéo, Phaulkon đã leo lên các nấc thang của xã hội Thái, tới bậc Phya Vijayendra nên được thường xuyên gặp mặt vua Thái Narai. Sau khi bị thất sủng với công ty Đông Ấn, Phaulkon đã cải sang đạo Thiên Chúa La Mã để lấy một người đàn bà Nhật theo đạo đó. Do Phaulkon thường xuyên liên lạc với người Pháp nên nhờ vậy ảnh hưởng của Pháp đã gia tăng đối với vua Narai. Đã có các trao đổi đại sứ giữa triều đình của vua Louis 14 và vua Narai Thái Lan và do lời khuyên của Phaulkon, vua Thái Lan đã chấp thuận cho một đội quân tinh nhuệ Pháp gồm 500 người, dưới quyền chỉ huy của tướng Desfarges, được đổ bộ lên Thái Lan. Phaulkon vì thế được phong bá tước và hiệp sĩ của nước Pháp.

Ảnh hưởng của Phaulkon, một người Hy Lạp bên cạnh vua Thái, đã khiến cho một số vị quan cao cấp triều đình Thái lo ngại. Cách ăn xài hoang phí của Phaulkon cũng làm cho nhiều người tức giận. Dinh thự của Phaulkon tại Lop Buri đêm nào cũng đãi tiệc trên 40 thực khách, số rượu vang tiêu thụ rất lớn. Sự hiện diện của người Pháp và quân đội Pháp cùng với ý định xúi giục vua Thái cải sang đạo Thiên Chúa đã là những mối nghi ngờ. Vào năm 1688 khi vua

Narai bị bệnh, một nhóm người quốc gia đã đứng lên, cầm đầu là Phra Phetracha, tư lệnh liên đoàn voi trận của hoàng gia. Vua Narai bị giữ trong lâu đài và Phaulkon bị bắt vì tội phản bội và bị hành quyết vào tháng 6 bên ngoài Lop Buri. Một tháng sau, vua Narai cũng băng hà. Phra Phetracha lên ngôi. Đòi hỏi đầu tiên của vị vua mới này là quân đội Pháp phải rút đi hết.

Nước Thái Lan dưới thời vua Narai được người Âu gọi là Xiêm La (Siam). Những người này đã so sánh kinh đô Ayutthaya đẹp như thành phố Venice của nước Ý và đã ca tụng đây là thành phố đẹp nhất của miền Viễn Đông. Các lâu đài hoàng gia cùng hàng trăm đền đài huy hoàng đã tụ tập bên trong bức tường thành được xây dựng trên hòn đảo lớn của kinh đô.

Các vị vua kế nghiệp vua Narai đã chấm dứt chính sách mở cửa. Các giáo sĩ ngoại quốc tuy còn được phép ở lại và việc buôn bán với nước ngoài vẫn được duy trì nhưng trong giới hạn. Thái Lan từ đây ở vào vị thế cô lập trong 150 năm và các nhà vua đã tập trung vào việc xây dựng nội bộ và tôn giáo. Hệ thống giao thông thủy lộ được phát triển.

Thời đại của vua Boromakot (1733- 1758) được coi là giai đoạn vàng son của kinh đô Ayutthaya. Văn sĩ, thi sĩ, nghệ sĩ tập trung về triều đình; văn chương và nghệ thuật đã phát triển mạnh. Xứ Tích Lan (Ceylon) đã phải mời một phái đoàn sư tăng của Thái Lan qua đó để chấn chỉnh đạo pháp.

Vào năm 1758, con của vua Boromakot lên ngôi sau khi tranh giành ngôi báu rồi sau đó đã đam mê cung tần mỹ nữ. Vào thời kỳ này, đế quốc thứ ba của Miến Điện do vua Alaungpaya đã tấn công Thái Lan vào năm 1760 nhưng bị đẩy lui. Bảy năm sau, con của vua Alaungpaya là Hsinbyushin mang quân vây hãm Ayutthaya trong 14 tháng và đã thành công. Người Miến khi rút ra vội vã, đã cướp đi tất cả tài sản, đốt sạch kinh đô Ayutthaya kể cả các ngôi chùa và bắt theo tất cả hoàng gia Thái cùng 90 ngàn người, dẫn về Miến Điện. Nền văn minh của Thái Lan trong 4 thế kỷ đã bị hủy diệt.

6/ Kinh đô Bangkok.

Trong khi kinh đô Ayutthaya bị vây hãm, một vị tướng trẻ tên là Phya Taksin đã tụ tập được một số quân sĩ, phá vòng vây và chạy về Chantaburi ở bờ biển phía đông nam của vịnh Thái Lan. Bảy tháng sau khi Ayutthaya thất thủ, Taksin

đã đem quân về kinh đô và đánh đuổi được người Miến. Taksin đã kể cho mọi người nghe giấc mơ được gặp các vị tiên vương Thái Lan và được bảo nên dời kinh đô về một nơi mới.

Taksin đã thiết lập kinh đô mới tại Thonburi, bên bờ phía tây của dòng sông Chao Phya và lên ngôi vua. Sau khi thấy vương quốc Thái Lan sụp đổ, trách nhiệm của vua Taksin là thống nhất lại đất nước và chống trả cuộc xâm lăng của quân Miến Điện. Taksin đã trị vì tới năm 1782 nhưng trong 7 năm cuối, quyền uy được giao phó cho hai vị tướng tin cẩn và cũng là anh em, là Chao Phya Chakri và Chao Phya Sarisih. Hai vị tướng này đã chiếm lại Chiang Mai, mở mang bờ cõi Thái Lan tại phía bắc, tràn qua Cambốt và Lào ở phía đông. Chính trong chiến dịch tràn quân qua Lào mà đội quân Thái chiếm được bức tượng Phật Ngọc Bích (the Emerald Buddha) rất nổi tiếng. Tượng Phật này được tạc từ khối ngọc thạch lớn và thờ tại Chiang Ray vào năm 1436. Người Thái từ lâu đã coi bức tượng này là linh thiêng nhất và là biểu tượng cho nền độc lập và thịnh vượng của xứ sở.

Tại Thonburi, vua Taksin sau này trở nên bất thường và tàn bạo. Chứng bệnh hoang tưởng (paranoid), có lẽ do quá lo lắng về chiến trận, đã khiến nhà vua tưởng mình là một bồ tát trong khi đó lại hành hạ các sư tăng, các vị quan cao cấp cùng trẻ em, bắt buộc họ phải thú nhận phạm phải các tội giả tưởng.

Vào tháng 3 năm 1782, một cuộc nổi dậy đã xảy ra khiến cho vua Taksin phải thoái vị và vào sống trong một tu viện. Vị tướng đảo chính đã mời Chao Phya Chakri làm vua sau chiến dịch tại Cambốt. Tướng Chakri đã lên ngôi vua vào ngày 6 tháng 4, lập nên triều đại Chakri và ngày nay người Thái Lan còn kỷ niệm ngày 6 tháng 4 này. Vua cũ Taksin vì bị coi là một nguồn đe dọa cho sự ổn định nội bộ Thái nên đã bị hành quyết theo tục lệ hoàng gia trước các giọt nước mắt đau buồn của vua mới Chakri.

Khi lên ngôi, vua Chakri lấy danh hiệu là Ramathibodi mà sau này người Thái gọi là vua Rama I, đã ngự trị Thái Lan từ 1782 tới năm 1809. Nhà vua đã dời kinh đô từ Thonburi qua một nơi rộng rãi hơn ở gần đó gọi là Bangkok.

2

1/ Các thời đại Rama.

Khi lên ngôi vua, Tướng Chakri đã lấy danh hiệu là Ramathibodi, giống như tên của triều đại trước, vị vua mới này đã cai trị Thái Lan từ năm 1782 tới năm 1809 và về sau được gọi là Vua Rama I. Công việc đầu tiên của vua Rama I là di chuyển kinh đô, từ một nơi chật hẹp là Thonburi qua bờ sông bên kia, rộng rãi hơn, được gọi là Bangkok. Nhà vua đã chú trọng tới các truyền thống và biểu tượng quốc gia để phục hồi niềm tin của một dân tộc đã bị chiến tranh tàn phá. Kinh đô mới này được xây dựng theo kiểu mẫu của Ayutthaya, các bức tượng Phật lớn nhỏ được di chuyển từ Sukhothai và Ayutthaya về Bangkok, và ngay cả gạch đá của các ngôi chùa, dinh thự đổ nát của Ayutthaya cũng được tháo gỡ, chở bằng các bè, thuyền, về kinh đô mới để xây tường thành. Tất cả các dấu tích và kiến trúc cổ được sưu tầm và sử dụng trong việc làm sống lại nền nghệ thuật của thời trước.

Công trình lớn lao nhất là việc xây dựng Đền Wat Phra Kaew hay Đền Phật Ngọc Bích, nơi chứa bức tượng Phật ngọc màu xanh, thời gian kiến thiết mất 3 năm. Pho tượng này được chuyển từ Thonburi, đặt trên ngai trong đền thờ hoàng gia và từ nay, kinh đô mới của vương quốc này được đổi tên là “Krung Thep Phra Maha Nakorn Amorn Rattanakosin...” có nghĩa là “Thành phố của các thiên thần, nơi cư ngụ bức tượng Phật Ngọc Bích”. Đây là tên thành phố dài nhất thế giới, vì vậy người ta đã gọi tắt là Krung Thep và người ngoại quốc quen gọi là Bangkok.

Sau vụ tàn phá kinh đô Ayutthaya vào năm 1767 bởi quân Miến Điện, các tài liệu lịch sử đã bị tổn hại nặng nề. Vua Rama I đã cho thành lập các nhóm học giả sưu tầm lại nền văn hóa và lịch sử cũ, và dân tộc Thái Lan ngày nay còn ghi công về công trình phục hưng nền văn hóa cổ của vị vua này. Nhà vua cũng theo truyền thống xưa, đã chỉ định người em làm Maha Uparaja hay phó vương, với quyền hành ngang bằng với vua và cung điện Wang Na của vua ngày nay được dùng làm Viện Bảo Tàng Quốc Gia. Vua Rama I cũng củng cố quân đội, khiến cho quân Miến khi xâm lăng đất Thái đều bị chặn đánh tại các nơi hiểm yếu.

Kể vị vua Rama I là vua Rama II (1809- 1824). Nhà vua thứ hai của triều đại Chakri này là một nghệ sĩ nên đã cho tu sửa các tu viện tại Bangkok và đặc biệt nhất là việc xây dựng ngôi đền danh tiếng Wat Arun và nơi thờ phượng này về sau lại được vua Rama IV mở rộng thêm. Vua Rama II cũng là một thi sĩ. Thi phẩm Inao của nhà vua bắt nguồn từ các truyền thuyết của miền Java. Các tác phẩm văn chương Ramakien và Ramayana đã chứa đựng những áng văn

thơ của nhà vua và của các thi hào khác. Triều đình của vua Rama II cũng làm sống lại các điệu múa Khon và Takorn được phổ biến tại kinh đô Ayutthaya trước kia.

Về đối ngoại, vua Rama II đã cho phép người Bồ Đào Nha mở tòa đại sứ tây phương đầu tiên tại Bangkok và cảnh cửa mở rộng đối với thế giới tây phương được duy trì dưới thời vua Rama III từ năm 1824 tới năm 1851, đồng thời liên lạc thương mại với Trung Hoa cũng được tiếp tục. Do có nhiều đồ sứ của Trung Hoa mà các mảnh vụn sứ được nhà vua cho thợ thủ công dùng trong việc trang hoàng các công trình kiến trúc như tại ngôi đền Wat Arun và những nơi khác. Nhà vua Rama III rất mộ đạo Phật nhưng cũng đã khuyến khích các giáo sĩ châu Âu mang vào Thái Lan nền y học tây phương trong đó có cách chủng ngừa đậu mùa.

Vua Rama IV cai trị Thái Lan từ năm 1851 tới năm 1868, được nhiều người biết tới do danh hiệu vua Mongkut và được mô tả trong phim “Nhà Vua và Tôi” (The King and I) như là một bạo chúa trọc đầu. Đây là vị vua châu Á đầu tiên hiểu rõ văn hóa và kỹ thuật tây phương khiến cho triều đại của vị vua này được coi là chiếc cầu nối những thứ cũ với những thứ mới. Mongkut là em của vua Rama III, đã trải qua 27 năm làm tu sĩ Phật giáo trước khi lên ngai vàng. Nhà vua vì thế đọc thông các kinh sách Phật viết bằng chữ Pali. Nhà vua đã cải cách đạo Phật, tìm cách bác bỏ các điều mê tín và lập ra một môn phái tu Phật mới gọi là Dhammakaiya chủ trương theo sát các giáo điều Phật dạy. Ngày nay tu sĩ của môn phái này có sắc áo màu nâu.

Các giáo sĩ châu Âu đã dạy cho vua Rama IV tiếng La Tinh và tiếng Anh nhờ đó nhà vua đã tìm hiểu nhiều môn học như lịch sử, địa dư và khoa học, đặc biệt nhất là môn thiên văn. Vua Mongkut hiểu rõ rằng các phong tục của người Thái không thể giữ cho đất nước tránh khỏi sự lấn át của Tây Phương mà chỉ có sự hiện đại hóa mới mang dân tộc Thái ngang bằng với các dân tộc tại châu Âu. Vào thời kỳ này, hòa ước với nước Anh đã bắt buộc Thái Lan chấp nhận loại thuế nhẹ đánh vào hàng nhập cảng và miễn thuế cho thuốc phiện nhập cảng từ Ấn Độ. Các nước tây phương khác như Pháp và Hoa Kỳ cũng làm áp lực tương tự với Thái Lan.

Vua Mongkut cũng muốn cho các con có lợi trong việc tiếp thu nền văn hóa tây phương, vì thế nhà vua đã dan díu với cô giáo dạy tiếng Anh là Anna Leonowens. Cuốn tự thuật của cô giáo này đã quá đề cao mình và mô tả nhà vua là một bạo chúa, chỉ biết đam mê cung tần mỹ nữ, vì thế thời gian cư ngụ của cô giáo Anna, 1862- 1867, đã không được nhắc nhở trong các văn bản của Thái Lan.

Vua Mongkut rất ham mê Thiên Văn. Nhà vua thường theo dõi các vì sao tại đài thiên văn đặt trong lầu đài mùa hè ở Bang Pa-in hay lầu đài Petchburi. Nhà vua cũng đã tiên đoán đúng nhật thực xảy ra vào ngày 18/8/1868. Hôm đó tại bờ biển trên vịnh Thái Lan, mặt trời đã bị che khuất khiến cho mọi người kể cả Âu lẫn Á phải thán phục nhà vua. Nhưng trong chuyến đi này, vua Mongkut đã mắc bệnh sốt rét rồi từ trần hai tuần lễ sau đó.

2/ Thái Lan từ thời Vua Chulalongkorn.

Con trai của vua Mongkut hay Rama IV, là Chulalongkorn, lên nối ngôi khi mới 15 tuổi, mang danh hiệu Rama V. Đây là vị vua có triều đại 42 năm, dài nhất và chỉ thua vua Bhumibol hiện nay. Trong thời gian còn chưa trị vì, Chulalongkorn đã đi thăm Java và Ấn Độ để quan sát nền cai trị thuộc địa của người châu Âu. Đây cũng là vị vua đầu tiên của triều đại Chakri đã ra khỏi xứ sở.

Vua Chulalongkorn là người nhìn xa trông rộng. Sau khi lên ngôi vào năm 1873, nhà vua đã hủy bỏ cách lấy sát đất, cho phép các quan chức trong triều được ngồi ghế để bàn quốc sự, bãi bỏ giai cấp nông nô, thay thế chế độ lao dịch bằng thuế trực thu... Nhà vua đã làm cách mạng từ ngai vàng. Tới thời kỳ này, Thái Lan chưa có trường học, đường sá, bệnh viện và quân đội với vũ khí mới. Nhà vua đã dùng các cố vấn nước ngoài trong việc cải cách. Vào năm 1892 đường xe lửa bắt đầu được xây dựng, nối Bangkok với Ayutthaya; các cơ sở bưu điện và điện tín cũng được thiết lập.

Năm 1887 vua Chulalongkorn đã cử ông hoàng Devawongse đi khảo cứu các hình thức chính quyền của châu Âu, tìm hiểu làm sao có thể áp dụng các thể chế mới một cách hữu hiệu. Năm sau, ông hoàng này về nước, đã đề nghị cải tổ chính quyền từ 4 bộ sang 12 bộ với các chức năng khác nhau. Năm 1893 ông hoàng Damrong Rajanubhab làm bộ trưởng nội vụ, đã xét lại tất cả cách cai trị cổ xưa của Thái Lan. Hệ thống cai trị bán phong kiến của các tỉnh ở xa đã được dần dần thay thế bằng chính quyền trung ương. Dưới thời ông Damrong, Bộ Nội Vụ đã đóng một vai trò quan trọng trong việc thống nhất chủ quyền vào trung ương. Ông Damrong cũng là một nhà Sử Học khiến cho sau này người dân Thái gọi ông là “người Cha của ngành Sử của Thái Lan”.

Vua Chulalongkorn cũng đánh giá cao sự học vấn. Nhà vua đã cho mở 3 trường học theo kiểu tây phương để giáo huấn các trẻ em hoàng gia và của các nhân viên cao cấp, trong 3 trường này có một trường dành cho nữ sinh. Ngoài

ra còn có nhiều trường học dạy dân chúng, nhiều trung tâm dạy nghề và các trường đặc biệt để đào tạo các công chức. Việc du học được khuyến khích. Các sĩ quan quân đội và công chức có khả năng được gửi ra nước ngoài. Riêng các người con của vua sau khi đã du học trở về vào thập niên 1890, đã tham gia vào việc hiện đại hóa quân đội và một người đã làm Bộ Trưởng Tư Pháp.

Người Thái Lan quen dùng cách chữa bệnh bằng lá cây vì thế họ chống đối việc mở bệnh viện, tuy nhiên trở ngại này đã được vượt qua vào năm 1886 khi bệnh viện đầu tiên Siriraj được khánh thành.

Khi người Pháp chiếm Việt Nam năm 1883 và người Anh chiếm bắc Miến Điện năm 1886, nước Thái Lan bị áp lực giữa hai thế lực bành trướng thuộc địa. Vì muốn duy trì chủ quyền, Thái Lan đã phải nhượng cho Pháp nước Lào và phần phía tây của nước Cambốt và mất cho người Anh một phần của bán đảo Mã Lai. Vương quốc Thái Lan đã mất đi 120,000 cây số vuông lãnh thổ.

Vua Chulalongkorn cũng đã du hành châu Âu hai lần vào các năm 1897 và 1907 rồi sau đó, đã cho xây cất lâu đài Dusit rộng lớn hơn. Các cải tổ của nhà vua đã mang lại sự sung túc cho nền kinh tế, nhờ đó mức sống của người dân Thái cao hơn hẳn thứ của người dân Đông Dương hay Miến Điện. Vua Chulalongkorn đã được ca tụng là vị vua vĩ đại và kính yêu.

Nổi ngôi vua Chulalongkorn là vua Vajiravudh (1910- 1925). Nhà vua này lúc trẻ đã được theo học tại Đại Học Oxford bên nước Anh vì thế xã hội Thái Lan chịu ảnh hưởng rất nhiều trong việc hiện đại hóa. Đạo dụ năm 1913 của nhà vua đã bắt người dân Thái phải có họ cha vì từ trước, họ chỉ có tên mà thôi. Nhà vua ấn định triều đại Chakri được gọi bằng tên Rama và chính nhà vua gọi mình là Rama VI. Nhà vua cũng khuyến khích phụ nữ để tóc dài, mặc sarong kiểu Thái. Nền giáo dục tiểu học được mở rộng và cưỡng bách. Các trường học chấp nhận cả nam lẫn nữ học sinh. Đại học Chulalongkorn được thành lập. Vua Rama VI đã đề cao tinh thần quốc gia, dùng văn chương và kịch nghệ để làm vinh danh các anh hùng lịch sử, các truyền thuyết của Thái Lan. Nhà vua cũng dùng bút hiệu, viết ra các tác phẩm ca tụng đất nước Thái Lan.

Khi Thế Chiến Thứ Nhất xảy ra, Thái Lan đã ở vị thế trung lập nhưng vào lúc tàn cuộc năm 1917, nhà vua đã gửi một đạo quân nhỏ, góp công với Đồng Minh và chiến đấu trên đất Pháp vì thế Thái Lan được phép gia nhập Hội Quốc Liên và lá cờ Thái đã tung bay tại Versailles. Do biểu tượng con voi trên lá cờ bị hiểu nhầm, nhà vua đã đổi quốc kỳ

thành ba miền đỏ, trắng và xanh, tượng trưng cho quốc gia, tôn giáo và vương quyền.

Vua Vajiravudh hay Rama VI ưa thích xa xỉ, vì thế ngân quỹ quốc gia bị khô cạn, nhà vua cũng bị chỉ trích là độc đoán và thiếu sự quan tâm tới gia đình. Nhà vua kết hôn muộn, chỉ có một con gái ra đời một ngày trước khi vua mất vào năm 1925. Nối ngôi là người em trẻ nhất của vua, tên là Prajadhipok.

Vua Prajadhipok đã được giáo dục tại Đại Học Eton bên nước Anh và đã ưa thích binh nghiệp hơn trị vì. Khi lên ngôi, nhà vua đã tìm cách cắt giảm chi phí của hoàng gia, lập nên Thư Viện Quốc Gia, Viện Bảo Tàng Quốc Gia và Bộ Nghệ Thuật. Vào thời đại này, phi trường Don Muang được khánh thành làm trung tâm không lưu quốc tế và vô tuyến điện được du nhập vào đất Thái. Nhà vua cũng quan tâm tới sự đóng góp của những người trẻ du học từ các nước ngoài và vào năm 1927, đã chủ trương dân chúng Thái Lan phải được giáo dục về dân chủ trước khi nền dân chủ được áp dụng.

Cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1930 đã ảnh hưởng tới lợi tức gạo của Thái Lan. Nhà vua phải hạ giá đồng Baht đối với đồng bảng Anh nhưng đã không thể cứu vãn nổi cuộc khủng hoảng tài chính, vì thế lương bổng của công chức và quân nhân đều bị cắt bớt, gây nên sự bất mãn trong chính quyền. Rồi vào ngày 24 tháng 6 năm 1932, một cuộc đảo chính đã xảy ra, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế của Thái Lan.

Cuộc đảo chính do Đảng Nhân Dân thực hiện, đứng đầu về ý thức hệ là ông Pridi Panomyong, một luật sư trẻ du học tại nước Pháp và về quân sự có Đại Úy Luang Phibulsongram, người đã vận động được sự ủng hộ của các đại tá có uy quyền. Với một số chiến xa, 70 người nổi dậy đã chiếm đóng các vị trí quan trọng tại Bangkok, bắt giữ các ông hoàng trong khi quân đội và dân chúng đứng ngoài. Lúc này nhà vua Prajadhipok đang ở tỉnh Hua Hin, đã trở về kinh đô và để tránh đổ máu, nhà vua đã chấp nhận Bản Hiến Pháp Tạm Thời và đồng thời nhận làm vua mà không nắm quyền hành như trước kia.

3/ Thái Lan trên đường dân chủ hóa.

Chế độ quân chủ chuyên chế của Thái Lan đã cáo chung, thay thế bằng nền độc tài của Đảng Nhân Dân. Chính phủ mới tuyên bố cần tới 10 năm để thử nghiệm chế độ dân chủ. Vào tháng 12/1932, nhà vua ký bản Hiến Pháp, chấp

nhận sự phổ thông đầu phiếu và cuộc tổng tuyển cử mỗi bốn năm. Năm 1933, nội bộ chính phủ Thái bị chia rẽ vì chủ trương của ông Pridi là nên quốc hữu hóa tất cả đất đai. Ông Pridi bị coi là theo đường hướng cộng sản nên bị đẩy đi lưu vong và một cuộc đảo chính khác đã xảy ra cùng năm, làm tăng quyền lực cho ông Phibulsongram với hậu thuẫn của quân đội. Năm 1934, ông Pridi được phép trở về nước sau khi các lời kết tội đã được giải tỏa.

Sự khác biệt về quyền lực quy định bởi Hiến Pháp và vương quyền đã khiến cho vua Thái Lan Prajadhipok phải thoái vị vào năm 1935. Nhà vua tuyên bố chỉ trao lại quyền lực cho nhân dân Thái mà không cho một đảng phái nào. Vào lúc này nhà vua đang ở bên nước Anh và nhận được danh hiệu “Ông Hoàng Sukhothai” cho tới khi chết vào năm 1941. Người cháu của vua lên 10 tuổi, tên là Ananda Mahidol vào thời gian này đang du học tại Thụy Sĩ, được tôn lên làm vua. Một hội đồng nhiếp chính gồm ba người được chỉ định để phụ chính cho vị vua trẻ.

Nền dân chủ kiểu tây phương được áp dụng cho xứ Thái Lan là một nước còn quá nặng về tập quán cổ, phong tục xưa, khiến cho đất nước này thiếu sự ổn định. Hiến Pháp đã bị viết lại nhiều lần, chế độ độc viện và lưỡng viện đều được thử nghiệm, quân đội Thái đã can thiệp nhiều lần và áp đảo chính quyền. Từ năm 1935 tới năm 1938, các xáo trộn chính quyền thường xảy ra khiến cho ông Phibul (Phibulsongram) nắm được quyền lực. Ông Phibul đã duy trì chế độ độc đoán về văn hóa và kinh tế, tăng cường tinh thần quốc gia, cổ động các phong trào văn minh hóa theo đó bắt buộc người dân Thái phải ăn mặc y phục tây phương và học tập các phong tục tây phương. Cách ăn trầu, một tập quán cổ điển, bị cấm đoán. Người dân bị bắt buộc phải đi giày và đội mũ tại các nơi công cộng, những người đi chân đất bị từ chối tại các công sở và bệnh viện dù trong trường hợp cấp cứu.

Khi Thế Chiến Thứ Hai xảy ra, Thái Lan đã duy trì đường lối thân tây phương. Khi quân đội Nhật Bản chiếm Bangkok, ông Phibul đã đầu hàng để tránh tổn thất về nhân mạng. Vào thời gian này, vị đại sứ của Thái Lan tại Hoa Kỳ là ông Seni Pramoj đã không chấp nhận sự thống trị của người Nhật, nên đã không đưa cho Hoa Kỳ bản tuyên bố về lập trường chiến tranh của Thái Lan và đã cất giấu bản văn đó đi. Khi chiến tranh chấm dứt, nhờ sự kiện kể trên Thái Lan đã không bị kết tội là một quốc gia thù nghịch.

Phong trào chống Nhật và chống cả ông Phibul được gọi là Phong Trào Thái Tự Do (the Free Thai Movement) đã được bí mật thực hiện với sự ủng hộ của hai ông Pridi khi đó đang là vị nhiếp chính và ông Seni Pramoj tại Hoa Kỳ. Đã xảy ra các cuộc phá hoại chống Nhật và người Nhật bị căm thù. Sự thất trận của Nhật Bản đã làm sụp đổ chính phủ của ông Phibul và ông Seni được chỉ định làm Thủ Tướng vào năm 1945 nhưng chính phủ Seni đã không tồn tại

được lâu và bị thay thế bởi ông Pridi. Cũng vào năm 1945, vua Ananda Mahidol, 20 tuổi, đã trở về nước trong một cuộc đón rước tưng bừng nhưng một năm sau, người ta đã tìm thấy nhà vua bị bắn chết trong phòng ngủ. Cái chết bí mật của nhà vua đã khiến cho ông Pridi bị nghi ngờ và ông ta bị đẩy đi sống lưu vong tại Paris và Bắc Kinh.

Kế vị vua Ananda là người em trai, vua Bhumibol Adulyadej, vị vua hiện nay. Sau khi được phong vương vào năm 1946, vị vua trẻ này lại tiếp tục học tại Thụy Sĩ và ông hoàng Rangsit được chỉ định lãnh chức vụ nhiếp chính cho tới khi ông ta chết vào năm 1951. Trong thời gian này, thế lực quân đội được củng cố và một cuộc đảo chính không đổ máu đã xảy ra vào năm 1947 với nhân vật hàng đầu là Đại Tá Sarit Thanarat, tư lệnh sư đoàn thứ nhất kiểm soát vùng Thủ Đô Bangkok. Từ nay, nắm quyền là các sĩ quan trẻ, được giáo dục tại Thái Lan và không có khuynh hướng thân tây phương như lớp người đi trước. Rồi sau đó các cuộc nổi dậy của các lực lượng cộng sản tại vài quốc gia láng giềng đã làm cho giới thượng lưu và trung lưu Thái lo lắng và nhờ vậy mà giới quân nhân nắm quyền được hai thập niên.

Vào năm 1948, Thống Chế Phibul trở lại chính quyền và làm Thủ Tướng được 10 năm với lập trường chống Cộng, đối nghịch với Trung Cộng và thân Hoa Kỳ. Thái Lan đã gia nhập Tổ Chức Seato (the South East Asia Treaty Organization) để ngăn chặn làn sóng cộng sản và bắt đầu nhận viện trợ của Hoa Kỳ, với cao độ là cuộc Chiến Tranh Việt Nam.

Sau chuyến công du thế giới trong năm 1953, Thủ Tướng Phibul đã quyết định cho thử nghiệm chế độ dân chủ bằng cách giải tỏa lệnh cấm đoán các đảng phái đối lập và cho phép người dân được quyền tự do phản kháng bằng ngôn luận nơi công viên. Nhưng chương trình dân chủ này chỉ mang lại các xáo trộn khiến cho hai năm về sau, chính phủ Thái phải ban lệnh giới nghiêm. Chính phủ mới của Thống Chế Phibul còn bị tố cáo là tham nhũng nên tới năm 1957, đã bị lật đổ bằng một cuộc đảo chính bởi ông Sarit.

Từ các năm của thập niên 1950 tới thập niên 1970, ba tướng Thái Lan là Sarit Thanarat, Thanom Kittikachorn và Prapass Charusathien đã kiểm soát nền chính trị của nước Thái. Ông Sarit là người nắm nhiều quyền hành nhất, đã chủ trương kỷ luật nơi dân chúng.

Giới quân sự cao cấp Thái do có quyền nên đã tham gia vào các hoạt động kinh tế để rồi dần dần kiểm soát được các cơ sở tài chính, thương mại, kỹ nghệ. Chính phủ của Tướng Sarit tuyên bố việc phát triển kinh tế là ưu tiên với

chương trình 5 năm. Bộ Đầu Tư được thành lập để lôi cuốn tư bản ngoại quốc. Việc du lịch cũng mang lại nguồn ngoại tệ to lớn nên Bộ Du Lịch được đặt ra.

Vào năm 1953, Tướng Sarit qua đời. Người phụ tá cho ông ta là Tướng Thanom trở nên Thủ Tướng và đứng đầu nhóm quân nhân với Tướng Prapass làm Tổng Tư Lệnh Quân Đội. Vào thời kỳ này, cuộc Chiến Tranh Việt Nam đã khiến cho Thái Lan trở nên một hậu cứ của Hoa Kỳ. 6 phi trường quân sự Mỹ được xây dựng tại Thái Lan vào năm 1965. Viện trợ Mỹ cũng được đổ vào đất Thái để làm các xa lộ nhưng phần lớn ngoại tệ đã rơi vào các trương mục riêng của các người có chức quyền.

Năm 1968, Vua Bhumibol công bố một bản Hiến Pháp mới và trong cuộc tổng tuyển cử vào năm sau, Tướng Thanom lại chiếm được ghế Thủ Tướng nhưng tình hình nội bộ Thái trở nên rối ren, dân chúng bất mãn. Đã có các bạo động phá hoại và một cuộc đảo chính khác xảy ra, hủy bỏ Hiến Pháp và tình trạng thiết quân luật được tuyên bố. Tới tháng 10 năm 1973, các lãnh tụ của sinh viên Đại Học Thammasat đã tổ chức các cuộc biểu tình, phản đối chế độ độc tài quân sự, yêu cầu một bản Hiến Pháp thực sự và đòi hỏi đất nước phải trở về với nền dân chủ đại nghị. Cuộc đụng độ giữa sinh viên và quân đội đã khiến cho 69 người bị chết và 800 người bị thương, và cuối cùng là bè nhóm của Tướng Thanom bị bắt buộc từ chức rồi đi sống lưu vong.

Trong các năm từ 1973 tới 1976, đã có hàng ngàn cuộc đình công và biểu tình, hàng trăm nhóm gây áp lực. Chính phủ thành công nhất của giai đoạn này là của ông Kukrit Pramoj. Ông ta đã nhận thấy được căn nguyên của sự nổi dậy cộng sản là từ nông thôn nên đã tìm cách cải thiện đời sống của nông dân, lập ra quỹ Tambon (the Tambon Council Fund) có mục đích bắc cầu, khai thông kênh đào và làm các dự án phát triển nông thôn theo nhu cầu của dân làng. Ông Pramoj cũng khởi sự nền liên lạc ngoại giao với Trung Cộng và củng cố vai trò của Thái Lan trong tổ chức Asean (the Association of South East Asian Nations).

Vào năm 1976, Tướng Thanom Kittikachorn được phép trở về quê hương thăm cha bị bệnh, đây là một nguyên cớ khiến cho các sinh viên lại biểu tình phản đối và vào ngày 6 tháng 10 năm đó, đã xảy ra cuộc đụng độ lớn giữa sinh viên và cảnh sát, và kết quả là cảnh sát đã đàn áp nhóm sinh viên của Đại Học Thammasat, gây tử thương cho hàng chục người và cũng chấm dứt chế độ dân chủ. Từ nay quân đội đã nắm quyền và cai trị quốc gia Thái trong một thập niên rưỡi.

Khi quân đội nắm quyền thì vua Thái Lan Bhumibol Adulyadej hay vua Rama 9, lên ngôi từ năm 1950, đã tỏ ra trung lập trong tất cả các biến cố chính trị. Nhà vua và hoàng hậu Sirikit đã đi thăm viếng tất cả miền đất nước để hiểu rõ đời sống của người dân. Uy quyền của nhà vua đã được thể hiện rõ khi cuộc đảo chính của một số tướng lĩnh vào tháng 4 năm 1981, định lật đổ chính phủ của Tướng Prem Tisulanonda bị thất bại vì thiếu sự chấp thuận ngầm của nhà vua.

Trong thập niên 1980, Thái Lan trở nên một lực lượng kinh tế trong vùng, đã đi từ nền nông nghiệp căn bản chuyển sang kỹ nghệ hóa. Giá đất và giá lao động rẻ đã khiến cho các nhà đầu tư Đài Loan và Nhật Bản đổ tiền vào xứ Thái Lan. Các tòa nhà nhiều tầng liên tiếp được xây dựng tại Bangkok. Vào tháng 4 năm 1982, Thái Lan đã kỷ niệm 200 năm ngày sinh của thủ đô này.

Các thay đổi vẫn tới với đất nước Thái Lan. Cảng nước sâu Laem Chabang được hoàn thành trong vùng phát triển phía đông. Nhiều nhà máy, cơ xưởng cũng mọc lên tại các miền trung tâm, miền bắc và đông bắc. Việc phát triển Thái Lan thành một nước mới kỹ nghệ hóa đã khiến cho các thành phố trở nên chật hẹp, môi trường sống bị ô nhiễm, rừng cây bị phá hoại, các tài nguyên thiên nhiên sớm bị khô cạn, sự cách biệt về lợi tức giữa giới giàu và giới nghèo trở thành rõ ràng khiến cho nhiều người cho rằng các thay đổi nhanh chóng dễ làm tổn hại các giá trị xã hội và tương lai.

Sau các cuộc bầu cử năm 1983 và 1986, Tướng Prem Tinsulanonda được bầu làm Thủ Tướng, đứng đầu chính phủ liên hiệp nhưng Tướng Chatichai Choonhavan đã lên thay thế sau cuộc bầu cử vào năm 1988. Qua năm 1991, phe quân đội Thái lật đổ Tướng Chatichai, thay bằng một chính phủ liên hiệp tạm thời, trong thời gian này, các cuộc biểu tình phản đối vẫn tiếp tục diễn ra khiến cho Vua Thái Lan phải can thiệp, chấm dứt chế độ quân sự và vị thủ tướng dân sự chuyển tiếp là ông Anand Panyarachun, nguyên đại sứ tại Hoa Kỳ, Đức, Canada và Liên Hiệp Quốc.

Qua tháng 9 năm 1992, các cuộc bầu cử mới đã đưa lại cho đất nước Thái Lan một chính phủ thực sự dân sự, dưới quyền điều khiển của Thủ Tướng Chuan Leekpai, lãnh tụ của đảng Dân Chủ. Vị thủ tướng này bắt đầu một chương trình viết lại bản Hiến Pháp hoàn toàn mới và dân chủ hơn. Hiến Pháp này được hoàn thành về sau vào năm 1997 và trong giai đoạn này, nền kinh tế của Thái Lan phát triển rất mạnh với chỉ số gia tăng cao nhất thế giới.

Vào năm 1995, Thủ Tướng Chuan bị lật đổ, thay thế bởi ông Banharn Silapa-archa, lãnh tụ của đảng Quốc Gia Thái

(the Thai Nation Party), nhưng đảng của ông Banharn vẫn bị tố cáo là tham nhũng và phạm nhiều điều sai trái, nên ông ta đã từ chức vào tháng 9/1996. Tướng Chavalit Yongchaiyudh trở thành tân thủ tướng và ông này cũng phải từ chức vào tháng 11/1997, thay thế bởi ông Chuan Leekpai, được chỉ định vào chức vụ thủ tướng lần thứ hai.

Vào giữa năm 1997, nền kinh tế của Thái Lan bị suy sụp, nhiều cơ sở thương mại và tài chính bị phá sản, nạn thất nghiệp gia tăng. Khủng hoảng kinh tế này đã lan tràn qua nhiều quốc gia khác của châu Á. Để cứu vãn tình thế hiểm nguy, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (the International Monetary Fund) đã cho Thái Lan vay tiền đồng thời đất nước này phải chấp nhận thi hành một số biện pháp kinh tế đòi hỏi, nhờ vậy tới cuối năm 1998, giá trị của đồng Baht so với đồng Mỹ kim đã gia tăng.

Trong khi các quốc gia láng giềng như Việt Nam, Cambốt, Trung Hoa, Miến Điện... đang chìm đắm trong chế độ cộng sản kiểm chế hay đấu tranh nội bộ, đất nước Thái Lan đã dựa vào nền tảng tôn giáo, quân chủ và tinh thần quốc gia để đứng vững, phát triển và đang tìm cách trở thành một trong các quốc gia quan trọng nhất của châu Á.